ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2681/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Luật số 11/2022/QH15, 16/2023/QH15, 18/2023/QH15, 47/2024/QH15, 54/2024/QH15 và 146/2025/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 57/2024/QH15, 90/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Luật Đê điều số 79/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 349/2026/NĐ-CP ngày

09/9/2026 sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 220/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; Văn bản số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 và Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng; số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 41/2026/TT-BXD ngày 29/6/2026 quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 02/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả, phòng, chống thiên tai và đảm bảo an ninh, quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 24/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1366/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 697/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1173/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; số 1945/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 9160/SNNMT-QLXD ngày 02/11/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống (*trên cơ sở Tờ trình số 130/TTr-BQLDA ngày 05/10/2026 và số 136/TTr-BQLDA ngày 26/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh - nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo kết quả thẩm định các nội dung thuộc lĩnh vực giao thông của Dự án Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống của Sở Xây dựng tại Văn bản số 6091/SXD-HĐXD$_3$ ngày 09/10/2026*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống.

2. Loại, nhóm dự án; loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư công; nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Môi trường (công trình đê điều) cấp IV.

- Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 30 năm.

3. Mã định danh: 4226516508801.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích sử dụng đất: tuyến đê Hội Thống khoảng 13ha và tuyến đê ngầm giảm sóng 6,5ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh).

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật hạ tầng giao thông, mã số doanh nghiệp 0107975961; Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai, mã số doanh nghiệp 0104786814.

8. Nhà thầu tư vấn nghiên cứu mô hình toán và giải pháp chống xói lở xa bờ: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật hạ tầng giao thông.

9. Nhà thầu thẩm tra: Viện Thủy công thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

10. Mục tiêu dự án: Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống nhằm thiết lập hệ thống ngăn chặn nước biển dâng do bão, bảo vệ an toàn tính mạng cho người dân; tạo hạ tầng đồng bộ, thu hút đầu tư, phát triển các ngành nghề du lịch, dịch vụ; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường cho vùng phía Bắc theo định hướng phát triển của tỉnh.

11. Quy mô đầu tư và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

Khôi phục, nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống hiện có chiều dài 4.824,7m với điểm đầu tại K12+250, theo lý trình quản lý tuyến đê Hội Thống; nâng cấp, mở rộng mặt đê đảm bảo phục vụ ứng cứu trong mùa mưa bão kết hợp giao thông cho khu vực các xã ven biển của tỉnh Hà Tĩnh, với các thông số kỹ thuật chủ yếu:

11.1. Tuyến đê Hội Thống:

a) Phần tuyến: Nâng cấp, mở rộng tuyến đê và đường trên đỉnh đê dọc theo tuyến đê biển Hội Thống có chiều dài 4.824,7m (điểm đầu tại K12+250).

- Mặt đê có cao trình từ +5,5m đến +5,7m, mở rộng mặt đê kết hợp nền đường trên đê về phía đồng có tổng bề rộng $B_{nền}$=9,0m. Hai bên bố trí lề đường kết hợp gờ chắn bánh, mỗi bên rộng 0,3m; gờ chắn bánh bằng bê tông M300 trên dầm dọc bằng bê tông cốt thép M300. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa C16 dày 7cm.

- Thân đê: Đắp mở rộng về phía đồng bằng đất đắp đạt độ chặt K ≥ 95.

- Mái đê phía đồng hệ số mái m=2, đoạn từ K12+250 đến K12+900 gia cố nối tiếp với mặt đê làm mới bằng BT M300 tới chân đê; đoạn từ K12+900 đến K17+000 gia cố nối tiếp với mặt đê làm mới rộng 2m bằng BT M300 dày 10cm, dưới mái có bố trí trồng cỏ trong khung BTCT M300. Mái đê phía biển đoạn từ K12+500 đến K12+750 gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn dạng bậc thang loại 2 tấn.

- Chân đê phía đồng gia cố bằng dầm BTCT M300, đoạn từ K14+350 đến K17+000 tiếp giáp dầm chân bố trí kênh thu nước hình thang bằng BTCT M300 dày 12cm. Chân đê phía biển đoạn từ K12+500 đến K12+750 bằng lăng thể đá hộc, trên mặt lăng thể bố trí cấu kiện stone block nặng 1 tấn; đoạn từ K14+440 đến K14+490 và từ K16+185 đến K16+235 sửa chữa chân mái kè bãi.

b) Công trình trên tuyến:

- Xây dựng các cống gồm: Cống Xuân Trường 1 tại K14+547, hình thức cống hộp 1 cửa với khẩu độ (bxh)=(1,5x1,5)m; cống Xuân Trường 2 tại K15+356, hình thức cống hộp 2 cửa với khẩu độ (bxh)=(2,0x3,0)m; cống dẫn nước vào Trung tâm thực hành nuôi trồng thuỷ sản tại K14+454, hình thức cống tròn D400 đặt trong hộp kỹ thuật bê tông cốt thép (bxh)=(0,8x0,8)m.

- Đường giao, nút giao và hoàn trả đường công vụ: Các vị trí đấu nối với đường tỉnh và các đường giao dân sinh hiện hữu được thiết kế vuốt nối phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm giao thông êm thuận, an toàn; thực hiện hoàn trả các tuyến đường công vụ sau khi kết thúc thi công.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống công trình an toàn giao thông (biển báo, vạch sơn, …) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

11.2. Tuyến đê ngầm giảm sóng

- Tuyến đê ngầm được bố trí song song với bờ, cách bờ 260m, tổng chiều dài 1.500m gồm 3 đoạn đê ngầm, mỗi đoạn dài 500m.

- Mặt đê các đoạn có cao trình +0,0m phủ bảo vệ bằng khối Haro bằng bê tông (sử dụng khối có trọng lượng 5,0 tấn cho đoạn thân đê và khối có trọng lượng 7,5 tấn cho đoạn đầu đê).

- Mái các đoạn đê có hệ số m=2, phủ bảo vệ bằng khối Haro (sử dụng khối có trọng lượng 5,0 tấn cho đoạn thân đê và khối có trọng lượng 7,5 tấn cho đoạn đầu đê).

- Thân đê sử dụng đá hộc phía trên và đá hỗn hợp phía dưới, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

- Chân đê phía biển bằng khối Haro bê tông (sử dụng khối có trọng lượng 5,0 tấn cho đoạn thân đê và khối có trọng lượng 7,5 tấn cho đoạn đầu đê); hộ chân bằng thềm chống xói gồm lớp phủ bảo vệ bằng khối bê tông dày 0,8m trên lớp đá hộc và đá hỗn hợp, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Chân đê phía bờ bằng khối Haro bê tông (sử dụng khối có trọng lượng 5,0 tấn cho đoạn thân đê và khối có trọng lượng 7,5 tấn cho đoạn đầu đê); hộ chân bằng thềm chống xói gồm lớp đá hộc trên lớp đá hỗn hợp, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

12. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

12.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

12.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

a) Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng; QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng; QCVN 7:2019/ BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép làm cốt bê tông; QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và các Quy chuẩn hiện hành có liên quan.

b) Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát địa hình: TCVN 14595-1:2025 Công trình đê điều – Phần 1: Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình; TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án thiết kế; TCVN 8224:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng; TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ; TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5.000; TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- Tiêu chuẩn khảo sát địa chất: TCVN 14595-2:2025 Công trình đê điều - Phần 2: Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất; TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế; TCVN 9153:2012 Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất; TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn.

- Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật; TCVN 9901:2023 Công trình Đê biển - Yêu cầu thiết kế; TCVN 12261:2025 Công trình giảm sóng, gây bồi bảo vệ bờ biển - Yêu cầu thiết kế; TCVN 11736-2017 Công trình thủy lợi - Kết cấu bảo vệ bờ biển - Thiết kế, thi công và nghiệm thu; TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế; TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;

TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế; TCVN 4116:2023 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thuỷ công - Yêu cầu thiết kế; TCVN 9139:2012 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép vùng ven biển - Yêu cầu kỹ thuật; TCVN 6346:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển; TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế; TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu, chỉ dẫn thiết kế và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

13. Tổng mức đầu tư: 550.000.000.000 đồng (năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB (tạm tính):	3.940.940.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	464.544.369.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	2.100.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	6.345.441.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	20.426.697.000	đồng
- Chi phí khác:	10.717.632.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	41.924.921.000	đồng

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

15. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án theo quy định.

17. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổng diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình dự kiến khoảng 13ha; trong đó ảnh hưởng một số thửa đất ở và đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân và có ít nhất 01 hộ phải thực hiện bố trí tái định cư. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp UBND xã Đan Hải tổ chức thực hiện công tác GPMB theo quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh) - Chủ đầu tư, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì thẩm định), Sở Xây dựng (cơ quan phối hợp thẩm định) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; tính hiệu quả về kinh tế - xã hội và đảm bảo an toàn kỹ thuật; sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với nội dung trình, thẩm định và kiến nghị, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực

tỉnh Hà Tĩnh) có trách nhiệm: xây dựng đường găng tiến độ chi tiết để quản lý, tổ chức thực hiện Dự án, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ được giao và các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 9160/SNNMT-QLXD ngày 02/11/2026, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6091/SXD-HĐXD$_3$ ngày 09/10/2026; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giá gói thầu và hợp đồng xây dựng theo đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước; chủ động phối hợp với UBND xã Đan Hải và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

2. UBND xã Đan Hải: Chủ trì, phối hợp Chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện Dự án; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện.

3. Các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện Dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, bảo đảm Dự án được triển khai đúng quy định pháp luật và hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh Hà Tĩnh); Chủ tịch UBND xã Đan Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL$_1$.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Huy Thành